
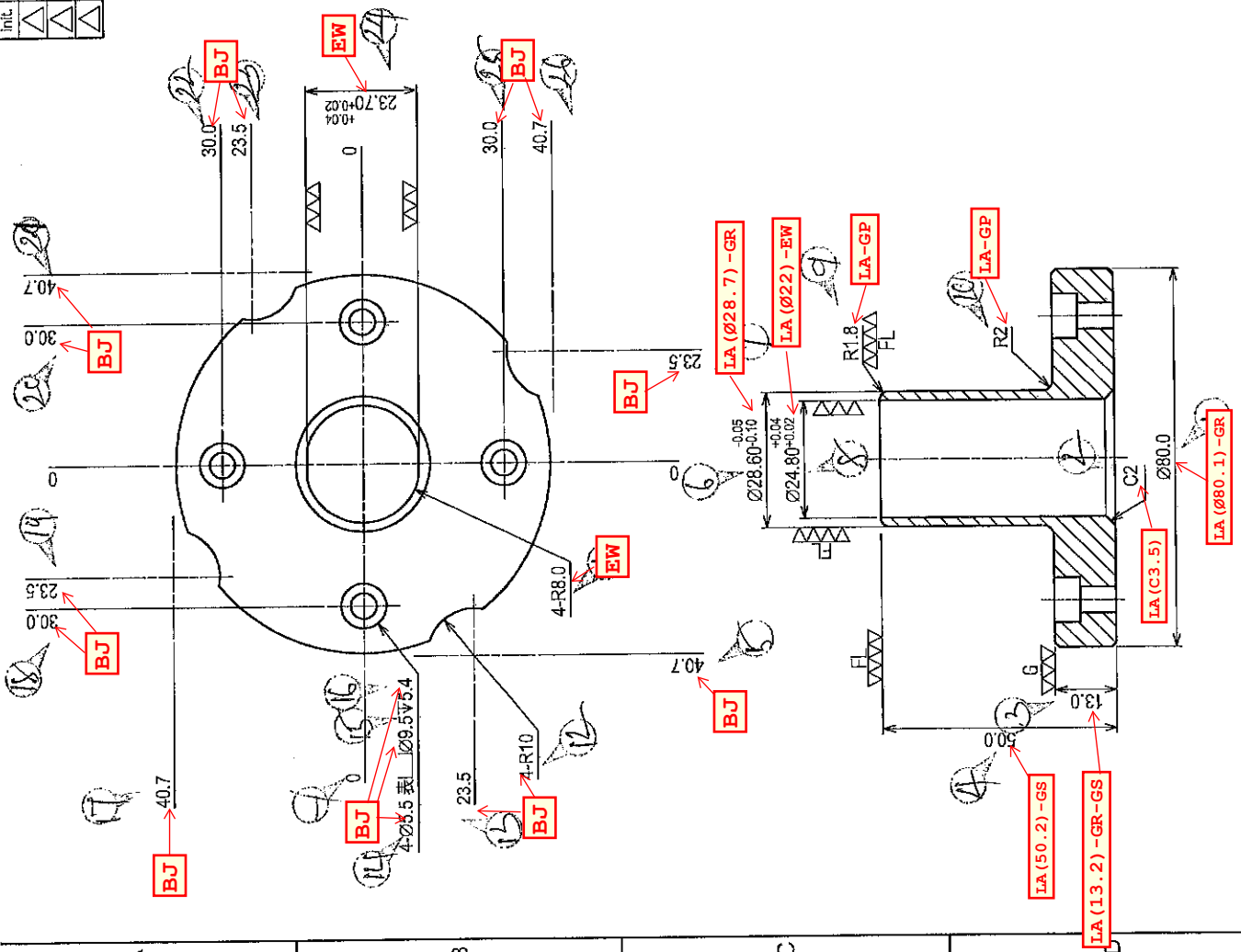


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF No.	DWN.	DSGND.	CHKD.
init.	2021/03/25	新製件図		Total Mass	Tally Mass	Incl./Excl'd
△						
△						
△						

CUTTING TOLERANCE
0.0000 ±0.0002 0.000 + _{-0.005}
0.000 ±0.0005 0.000 - _{-0.006}
0.00 ±0.01 0.00 - _{-0.01}
0.0 ±0.1 0.00 - _{+0.01}
0. ±0.2 0.0 - _{-0.1}
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED
FINISH MARKS
G F

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Inclai_Kazuhito	SKD11		部品図 PART DRAWING	下型ストリッパー LOWER-DIE SET STRIPPER
DSGND.	SURFACE	SCALE	部品図 部品圖	下塊脱模器 下塊脫模器
Tobata_Hidetoshi		1:1	DATE	DWG.No.
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE		
Tobata_Hidetoshi	HRC 60 ~ 62	TA3	2021/03/25	R408699



SNO: **R408699**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 Ø80*65	LA:120 BJ:90 HT:40 GR:60 GS:30 EW:150 GP:40 AF:10 KT